

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/DS-PT

Ngày: 17 - 3 - 2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2025/TLPT-DS ngày 13/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 536/2025/QĐ-PT ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Lệ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức S, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn A, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số H T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Thanh V - Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Bùi Đức S - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trịnh Thị Lệ L và bà Hồ Thị Mỹ H có giao dịch vay mượn, có khoản đã trả, có khoản chưa trả; những khoản nợ bị đơn chưa trả nguyên đơn đang thực hiện khởi kiện, cụ thể: ngày 19/9/2016 bị đơn vay 50.000.000 đồng; ngày 23/9/2016 vay 50.000.000 đồng; ngày 26/9/2016 vay 100.000.000 đồng; ngày 27/9/2016 vay 100.000.000 đồng. Các khoản vay đều thỏa thuận thời hạn trả nợ 1-2 tháng; các khoản vay này bị đơn đã trả được 22.500.000 đồng tiền lãi và được ghi vào cuối giấy vay nợ (theo chứng cứ khởi kiện).

Quá hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi là 442.000.000 đồng (khi vay các bên thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1triệu/ngày nhưng bị đơn chưa thực hiện). Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất 1.66%/tháng theo quy định pháp luật, khấu trừ số tiền lãi đã trả theo quy định để buộc bị đơn trả phần nợ còn lại.

Đối với phần trình bày của nguyên đơn tại biên bản đối chất là sự thật đề nghị Tòa án ghi nhận khi xét xử vụ án. Nguyên đơn không đồng ý việc bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, vì khi đến hạn trả nợ bị đơn không trả nên các bên có thỏa thuận trả dần cho đến khi hết nợ; Số tiền nguyên đơn chuyển trả chưa xác định gốc hay lãi nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về chứng cứ bị đơn cung cấp (giấy ký nhận tiền, chứng từ chuyển khoản) nguyên đơn thừa nhận là đúng. Tuy nhiên, đối với khoản tiền bà H đã trả 150.000.000 đồng vào ngày 12/11/2016 là trả cho khoản vay ngày 22/9/2016 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 30/10/2016 số tiền 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền lãi tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 12/11/2016 âm lịch của khoản vay 100.000.000 đồng (không tính số tiền 9.000.000 đồng bà H trả và được ghi cuối giấy vay ngày 22/9/2016) và 40.000.000 đồng tính từ ngày vay 30/10/2016 đến ngày 12/11/2016 âm lịch. Bà L đã viết giấy ký xác nhận đã nhận số tiền trên đưa cho bà H giữ, sau đó bà L đã gạch bỏ 02 khoản vay ngày 22/09/2016 và ngày 30/10/2016 trong sổ nợ. Đó là lý do khi khởi kiện bà H bà L không liệt kê hai khoản nợ này vào. Tuy nhiên, bà H lại cộng thêm số tiền 150.000.000 đồng – mà bà L đã viết giấy xác nhận vào ngày 12/11/2016 – để chứng minh mình đã trả nợ cho bà L đối với các giấy vay nợ bà L khởi kiện là có dấu hiệu gian dối, không trung thực. Ngoài ra, căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà bà H cung cấp, thì chỉ chứng minh được việc bà H đã trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng – Bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Bà L cũng thừa nhận đã nhận số tiền này. Tuy nhiên, trong những chứng cứ mà bà Hồ Thị Mỹ H cung cấp không hề thể hiện đây là trả tiền gốc hay là tiền lãi, nên việc bà H cho rằng số tiền 150.000.000 đồng đã trả vào tiền gốc là không hợp lý. Theo như bà L cho biết thì đây là những khoản mà bà H trả tiền lãi hằng tháng cho bà L. Do đó, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Đối với chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn thừa nhận đúng là chữ ký của bị đơn. Tuy nhiên, các khoản vay trên bị đơn đã trả bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0231000658756 đến số tài khoản của nguyên đơn 0231000613998 trong thời gian từ ngày 30/9/2021 đến ngày 09/02/2024 là 121.000.000 đồng; Ngoài ra bị đơn còn trả trực tiếp và nguyên đơn ký giấy nhận tiền giao lại cho bị đơn quản lý từ ngày 12/11/2016 đến 10/9/2019 là 194.000.000 đồng. Quá trình vay bị đơn đã trả lãi 108.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 22.500.000 đồng bị đơn trả lần đầu và được nguyên đơn viết vào cuối giấy vay (theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp), số tiền còn lại 85.000.000 đồng chỉ đưa tay không viết giấy tờ nên không có cung cấp cho Tòa án.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 445.500.000 đồng. Trong đó số tiền gốc đã trả bằng hình thức chuyển khoản và ký nhận tổng là 315.000.000 đồng; lãi đã trả có chứng cứ trong giấy vay của nguyên đơn là 22.500.000 đồng, lãi đưa không có giấy tờ là 85.500.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1triệu/ngày, không giao tài sản làm tin. Khoản vay này bị đơn mượn giúp cho người khác không liên quan đến gia đình bị đơn. Số tiền bị đơn trả nhiều hơn số tiền mượn 300.000.000 đồng nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét vì xác định trả lãi.

Đối với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là mâu thuẫn với phần trình bày của nguyên đơn nên yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và bị đơn tại biên bản đối chất làm căn cứ giải quyết vụ án.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:**

Thông nhất như trình bày của bị đơn, đồng thời đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L.

+ Buộc bị đơn bà Hồ Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L số tiền lãi còn nợ là 54.325.666 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

+ Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp 2.716.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 16.840.000 đồng tạm ứng án phí (do Vũ Hồng N Quỳnh nộp thay) tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2023/0012518 ngày 09/12/2024. Sau khi khấu trừ bà Trịnh Thị Lệ L được nhận lại số tiền 1.840.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/7/2025, ông Bùi Đức S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, về lãi suất xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi bị đơn phải trả 54.325.666 đồng là chưa chính xác nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các giấy vay mượn tiền vào ngày 19/9/2016 số tiền vay 50.000.000 đồng; ngày 23/9/2016 số tiền vay 50.000.000 đồng; ngày 26/9/2016 số tiền vay 100.000.000 đồng; ngày 27/9/2016 số tiền vay 100.000.000 đồng là có thật. Như vậy, tổng số tiền vay tính đến ngày 27/9/2016 là 300.000.000 đồng.

Bị đơn cho rằng đã trả tổng số tiền là 445.500.000 đồng (trả hết nợ gốc, phần còn lại là trả lãi). Cụ thể:

- Trả bằng hình thức chuyển khoản trong thời gian từ ngày 30/9/2021 đến ngày 09/02/2024 là 121.000.000 đồng.

- Trả trực tiếp (có chữ ký xác nhận của nguyên đơn) từ ngày 12/11/2016 đến 10/9/2019 là 194.000.000 đồng.

- Trả lãi 108.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 22.500.000 đồng bị đơn trả lần đầu và được nguyên đơn viết vào cuối giấy vay, số tiền còn lại 85.000.000 đồng chỉ đưa tay không viết giấy tờ).

Xét thấy, nguyên đơn thừa nhận có nhận 121.000.000 đồng của bị đơn qua hình thức chuyển khoản và 194.000.000 đồng nhận tiền mặt có ký xác nhận, 22.500.000 đồng tiền lãi. Nguyên đơn cho rằng số tiền 121.000.000 đồng là tiền trả lãi và trong tổng số 194.000.000 đồng tiền mặt nguyên đơn đã nhận thì khoản 150.000.000 đồng ngày 12/11/2016 là bị đơn trả cho khoản vay ngày 22/9/2016 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 30/10/2016 số tiền 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền lãi của hai khoản vay này. Do hai khoản vay này bị đơn đã trả xong nên nguyên đơn đã gạch bỏ và không khởi kiện nhưng bị đơn lại sử dụng giấy xác nhận nguyên đơn đã ký cho 02 khoản vay đã xong để đưa vào những khoản vay nguyên đơn đang khởi kiện là không trung thực. Tuy nhiên, lời trình bày của nguyên đơn nhưng không được bị đơn thừa nhận vì cho rằng các khoản nguyên đơn gạch bỏ là đã trả xong. HĐXX nhận thấy, đối với các khoản vay sau khi bị đơn đã trả thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại giấy vay gốc cho bị đơn hoặc gạch bỏ khoản vay. Việc bị đơn cung cấp giấy nhận tiền là phù hợp với lời trình bày của bị đơn là do khi bị đơn trả nợ nguyên đơn không mang giấy gốc đối chiếu gạch bỏ nên mới viết giấy nhận tiền cho bị đơn, còn đối với những khoản vay bị đơn đã trả xong thì nguyên đơn đã gạch bỏ.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn đối với số tiền đã chuyển khoản cho nguyên đơn 121.000.000 đồng; Trả trực tiếp và có ký nhận của nguyên đơn là 194.000.000 đồng; Trả 22.500.000 đồng được nguyên đơn viết vào cuối giấy vay. Tổng cộng số tiền bị đơn đã trả là 337.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi 85.000.000 đồng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Khoản vay giữa các bên đều xác định thời hạn trả nợ từ 01 đến 02 tháng, lãi suất theo thỏa thuận, quá hạn trả nợ và các bên có thỏa thuận trả dần đến

khi trả hết nợ (không thỏa thuận lãi hay gốc) nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đồng ý việc trả nợ dần, bắt đầu từ ngày 12/11/2016 đến ngày 09/02/2024, bị đơn không có ý kiến gì về mức lãi suất 1.66%/tháng nguyên đơn yêu cầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ thời điểm vay là phù hợp theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền lãi 91.825.666 đồng là chưa chính xác, cần xác định lại cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ khi vay ngày 19/9/2016 đến ngày 11/11/2016 là 8.632.000 đồng.
- Ngày 12/11/2016 bị đơn trả 150.000.000 đồng. Tiền lãi là 20.252.000 đồng.
- Ngày 17/7/2018 trả 10.000.000 đồng. Tiền lãi là 8.908.666 đồng.
- Ngày 13/11/2018 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 3.286.800 đồng.
- Ngày 28/12/2018 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 2.229.933 đồng.
- Ngày 30/01/2019 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 2.005.833 đồng.
- Ngày 30/02/2019 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 2.257.600 đồng.
- Ngày 08/4/2019 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 1.972.633 đồng.
- Ngày 10/5/2019 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 7.243.133 đồng.
- Ngày 10/9/2019 trả 4.000.000 đồng. Tiền lãi là 43.931.346 đồng.
- Ngày 30/9/2021 trả 5.000.000 đồng. Tiền lãi là 2.011.920 đồng.
- Ngày 07/11/2021 trả 4.000.000 đồng. Tiền lãi là 4.293.866 đồng.
- Ngày 28/01/2022 trả 10.000.000 đồng. Tiền lãi là 12.949.660 đồng.
- Ngày 28/10/2022 trả 12.000.000 đồng. Tiền lãi là 3.237.000 đồng.
- Ngày 17/01/2023 trả 10.000.000 đồng. Tiền lãi là 4.999.366 đồng.
- Ngày 07/6/2023 trả 8.000.000 đồng. Tiền lãi là 31.540 đồng.
- Ngày 08/6/2023 trả 12.000.000 đồng. Tiền lãi là 5.727.000 đồng. Tính đến ngày 28/01/2024 tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 45.000.000 đồng.
- Ngày 29/01/2024 trả 50.000.000 đồng.
- Ngày 09/02/2024 trả 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 133.970.296 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 433.970.296 đồng.

Bị đơn đã trả cho nguyên đơn là: 337.500.000 đồng. Nên cần buộc bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền là: 433.970.296 đồng – 337.500.000 đồng = 96.470.000 đồng (làm tròn số) là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 về lãi suất.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L.

- Buộc bị đơn bà Hồ Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L số tiền lãi còn nợ là 96.470.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

+ Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp 4.823.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 16.840.000 đồng tạm ứng án phí (do Vũ Hồng N Quỳnh nộp thay) tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên thu tiền số AA/2023/0012518 ngày 09/12/2024. Sau khi khấu trừ bà Trịnh Thị Lệ L được nhận lại số tiền 1.840.000 đồng.

+ Nguyên đơn bà Trịnh Thị Lệ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, và được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Lê Phước H1 nộp thay) theo biên lai số 000021 ngày 15/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Hà